

MỨC ĐỘ NHẬN THỨC CỦA SINH VIÊN NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH VỀ MÔI TRƯỜNG THỰC HÀNH LÂM SÀNG TẠI BỆNH VIỆN

Ngô Anh Duy^{1*}, Nguyễn Thị Ngọc Ngoan², Thạch Ngọc Duy³

LEARNING AWARENESS LEVEL OF NURSING STUDENTS AT TRA VINH UNIVERSITY ON CLINICAL PRACTICE ENVIRONMENT AT HOSPITAL

Ngo Anh Duy^{1*}, Nguyen Thi Ngoc Ngoan², Thach Ngoc Duy³

Tóm tắt – Mục tiêu của nghiên cứu là mô tả mức độ nhận thức của sinh viên ngành Điều dưỡng Trường Đại học Trà Vinh về môi trường thực hành lâm sàng tại bệnh viện năm 2021. Phương pháp nghiên cứu cắt ngang mô tả trên 205 sinh viên được lựa chọn. Kết quả nghiên cứu cho thấy mức độ nhận thức tích cực với điểm trung bình $130,83 \pm 8,73$. Trong đó, 'Sự tương tác và tham gia' có điểm trung bình $41,6 \pm 2,99$, 'Sinh viên làm trung tâm' có điểm trung bình là $45,92 \pm 3,56$, 'Cho phép cá nhân tham gia' có điểm trung bình $10,53 \pm 1,82$, 'Giá trị công việc điều dưỡng' có điểm trung bình $9,11 \pm 1,11$, 'Bồi dưỡng học tập tại nơi làm việc' có điểm trung bình $16,42 \pm 2,80$, 'Thiếu sự sáng tạo' có điểm trung bình $7,23 \pm 1,48$. Kết quả nghiên cứu góp phần nâng cao chất lượng đào tạo ngành Điều dưỡng tại Trường Đại học Trà Vinh nói riêng cũng như các trường đại học, cao đẳng có đào tạo ngành Điều dưỡng nói chung.

Từ khóa: mức độ nhận thức, thực hành lâm sàng, Trường Đại học Trà Vinh, sinh viên ngành Điều dưỡng.

Abstract – The purpose of the study was to examine the level of awareness about the clinical practice environment at the hospital among nursing students of Tra Vinh University in 2021.

^{1,2,3}Trường Đại học Trà Vinh
Ngày nhận bài: 17/5/2022; Ngày nhận bài chỉnh sửa: 11/8/2022; Ngày chấp nhận đăng: 12/9/2022

*Tác giả liên hệ: ngoanhduy@tvu.edu.vn

^{1,2,3}Tra Vinh University

Received date: 17th May 2022; Revised date: 11th August 2022; Accepted date: 12th August 2022

*Corresponding author: ngoanhduy@tvu.edu.vn

A descriptive cross-sectional study was applied to analyze the data of 205 students selected. The study results showed a positive level of awareness with an average score of 130.83 ± 8.73 . 'Interaction and participation' had an average score of 41.6 ± 2.99 , 'Student-centered' had an average score of 45.92 ± 3.56 , 'Allow individual participation' had an average score of 10.53 ± 1.82 , 'Nursing work value' had an average score of 9.11 ± 1.11 , 'Promoting learning at work' had an average score of 16.42 ± 2.80 , and 'Lack of creativity' had an average score of 7.23 ± 1.48 . The research results provide implications for the further improvement of nursing training at Tra Vinh University in particular and universities and colleges with nursing training in general.

Keywords: clinical practice, level of awareness, nursing students, Tra Vinh University.

I. GIỚI THIỆU

Khi đời sống con người ngày càng được nâng cao, nhu cầu chăm sóc sức khỏe cũng được quan tâm và chú trọng. Cùng với việc mở rộng các cơ sở y tế, vấn đề đảm bảo nguồn nhân lực y tế là hết sức cần thiết. Một trong những mắc xích quan trọng của hệ thống y tế là đội ngũ nhân viên y tế, trong đó có đội ngũ điều dưỡng. Tuy không phải là một lĩnh vực mới, nhưng điều dưỡng thu hút được sự quan tâm của toàn xã hội bởi tính thực tiễn nghề nghiệp của nó. Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực của Bộ Y tế đặt chỉ tiêu phần

đầu đến năm 2025 có 25 điều dưỡng trên mười ngàn dân và đến năm 2023 có 33 điều dưỡng trên mười ngàn dân [1]. Hiện nay, ở các trường đại học có đào tạo lĩnh vực khoa học sức khỏe, sinh viên ngành Điều dưỡng được trang bị khá đầy đủ về kiến thức, kỹ năng và thái độ nhưng năng lực hành nghề sau khi tốt nghiệp vẫn có sự chênh lệch nhiều giữa lý thuyết và thực hành [2]. Vì vậy, để sinh viên ngành Điều dưỡng đủ năng lực đáp ứng yêu cầu công việc sau khi tốt nghiệp, cùng với việc học lý thuyết qua các bài giảng để xây dựng kiến thức nền tảng, việc thực hành tại phòng thực hành, bệnh viện luôn quan trọng trong quá trình đào tạo [3].

Thực hành lâm sàng có vai trò cơ bản trong đào tạo điều dưỡng, chiếm khoảng 50% trong chương trình đào tạo. Mục tiêu của thực hành kỹ năng lâm sàng là đạt được những thay đổi có thể đo lường được năng lực trong chăm sóc người bệnh ở sinh viên [4]. Môi trường lâm sàng có sự tương tác bởi nhiều yếu tố, trong đó sinh viên có cơ hội tích lũy năng lực hành nghề và cải thiện kỹ năng giao tiếp, đồng thời môi trường thực tế này cũng gây ra không ít căng thẳng cho sinh viên. Do đó, việc cung cấp kiến thức và kỹ năng thực hành lâm sàng thành thạo là điều cần thiết trong việc phát triển năng lực cho sinh viên [5].

Trường Đại học Trà Vinh hoạt động với nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cho tỉnh Trà Vinh, khu vực Đồng bằng sông Cửu Long nói riêng cũng như cả nước nói chung. Trong đó, chương trình đào tạo Điều dưỡng bậc đại học được xây dựng dựa theo định hướng nghề nghiệp, đáp ứng nhu cầu của nhà sử dụng lao động và các bên liên quan. Cụ thể, ngành Điều dưỡng hướng tới mục tiêu đào tạo sinh viên ứng dụng thực hành dựa vào bằng chứng trong chăm sóc và nâng cao sức khỏe cá nhân, gia đình và cộng đồng; cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cho ngành Y tế Việt Nam. Cho nên, trong quá trình phát triển, Nhà trường luôn chú trọng đến môi trường thực hành của người học. Sinh viên ngành Điều dưỡng sẽ thực tập tại bệnh viện từ học kỳ 2 của năm thứ 2 với nhiều bệnh viện khác nhau, trong đó có bệnh viện loại 1, bệnh viện loại 2, bệnh viện chuyên khoa.

Những vấn đề vừa nêu cho thấy việc tìm hiểu nhận thức về môi trường thực hành lâm sàng của sinh viên ngành Điều dưỡng là vô cùng quan

trọng. Tuy nhiên, nghiên cứu về nhận thức của sinh viên ngành Điều dưỡng Trường Đại học Trà Vinh về môi trường thực hành lâm sàng còn hạn chế. Do vậy, vấn đề ‘Mức độ nhận thức của sinh viên ngành Điều dưỡng Trường Đại học Trà Vinh về môi trường thực hành lâm sàng’ được thực hiện hướng đến kỳ vọng nâng cao chất lượng đào tạo ngành Điều dưỡng tại Trường Đại học Trà Vinh nói riêng cũng như các trường đại học, cao đẳng có đào tạo ngành Điều dưỡng nói chung.

II. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu về môi trường học tập lâm sàng của sinh viên, những cơ hội, thách thức của sinh viên khi đối mặt với môi trường lâm sàng được các nhà nghiên cứu trong nước và quốc tế quan tâm thực hiện. Ziba et al. [6] nghiên cứu tại Ghana, khảo sát cắt ngang 255 điều dưỡng, hộ sinh bậc đại học để đánh giá trải nghiệm về môi trường học tập lâm sàng, kết quả cho thấy khi sinh viên được giám sát tốt từ giáo viên, người hướng dẫn lâm sàng thì trải nghiệm của họ với môi trường lâm sàng tốt hơn [6].

Asghar Khan et al. [7] nghiên cứu về những thách thức do môi trường học tập lâm sàng. Kết quả cho thấy, nền tảng chăm sóc điều dưỡng tại khoa lâm sàng được cho là tốt nhất, trong khi đó vai trò của người hướng dẫn lâm sàng trong nghiên cứu này đạt điểm hài lòng thấp nhất, ảnh hưởng đến trải nghiệm của các sinh viên với môi trường học tập lâm sàng [7]. Trương Thị Huệ tìm thấy những khó khăn khi sinh viên ngành Điều dưỡng học lâm sàng tại Bệnh viện: thiếu sự hướng dẫn, lịch học dày, phân công nhiệm vụ chưa phù hợp, người bệnh không hợp tác, đó là những thách thức mà sinh viên Điều dưỡng gặp phải tại môi trường học tập lâm sàng, tuy nhiên nhận thức chung về môi trường học tập lâm sàng tích cực với điểm số dao động từ 81 đến 155 với mức trung bình là $121 \pm 13,6$ [8]. Huyen [9] nghiên cứu những thách thức sinh viên ngành Điều dưỡng gặp phải trong môi trường học tập lâm sàng tại Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng năm 2019. Kết quả cho thấy điểm trung bình thang đo V-CLEI là $145 \pm 11,02$ với điểm số thấp nhất là 123 và điểm số cao nhất ghi nhận được là 177. Một số thách thức trong môi trường học tập lâm sàng đối với sinh viên ngành Điều dưỡng liên quan đến mối quan hệ

giữa cá nhân với các bên. Người học không thực sự nhận thức được vai trò của họ trong các buổi thực hành lâm sàng cũng trở thành một trong những rào cản. Tuy nhiên, một sự đánh giá cao đối với các giáo viên có thể được coi là một động lực thúc đẩy quá trình học tập lâm sàng.

Đề tài nhận thức về môi trường học tập lâm sàng của Giảng viên Trí Nghĩa và cộng sự thực hiện trên 110 sinh viên ngành Điều dưỡng năm thứ 2 và năm thứ 3 của Trường Cao đẳng Y tế Bạc Liêu với kết quả như sau: 1) môi trường học tập lâm sàng có xu hướng tích cực nhưng vẫn chưa đạt mức độ tốt, phong cách lãnh đạo của quản lý khoa đạt điểm trung bình ở mức thấp, cho thấy đây là một hạn chế cần được xem xét, 2) nhân viên bệnh viện chưa thực sự tích cực tham gia hướng dẫn sinh viên, giáo viên và nhân viên chưa làm việc cùng nhau để hỗ trợ việc học của sinh viên [10].

Hồ Thị Lan Vi và cộng sự [11] với đề tài nghiên cứu nhận thức của sinh viên ngành Điều dưỡng Trường Đại học Duy Tân cho thấy mức độ hài lòng về môi trường học tập lâm sàng cao với điểm trung bình 3,85 theo thang đo Likert từ 1 đến 5. Trong đó, sinh viên hài lòng nhất về mối quan hệ với giáo viên hướng dẫn, điểm trung bình là 4,08.

So với các nghiên cứu trước đây chỉ khảo sát sinh viên năm 3 hoặc năm 4 và đánh giá nhận thức về môi trường học tập lâm sàng tại một số ít khoa của một bệnh viện, bài báo này thực hiện khảo sát đối tượng sinh viên ngành Điều dưỡng từ năm 2 đến năm 4 của Trường Đại học Trà Vinh ở nhiều môi trường lâm sàng khác nhau. Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu cho thấy mối liên hệ giữa nhận thức của sinh viên ngành Điều dưỡng về môi trường học tập lâm sàng với một số yếu tố về bệnh viện thực tập. Tuy nhiên, hạn chế của nghiên cứu là sinh viên cung cấp thông tin về nhận thức ở một thời điểm cụ thể, trong khi nhận thức có thể thay đổi vào những thời điểm khác nhau.

III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

A. Địa điểm, đối tượng và thời gian nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện tại Trường Đại học Trà Vinh từ tháng 12 năm 2020 đến tháng 07 năm 2021 với đối tượng là sinh viên từ năm 2 đến năm

4 ngành Điều dưỡng. Tiêu chuẩn chọn lựa là sinh viên ngành Điều dưỡng đã tham gia ít nhất một khoa thực tập tại bệnh viện và tự nguyện tham gia nghiên cứu. Tiêu chuẩn loại trừ là sinh viên bảo lưu kết quả học tập hoặc bị đình chỉ học tập.

B. Phương pháp thu thập và phân tích số liệu

Nghiên cứu sử dụng thiết kế cắt ngang mô tả với phương pháp chọn mẫu toàn bộ. Cỡ mẫu là 205 sinh viên ngành Điều dưỡng thuộc Khoa Y Dược, Trường Đại học Trà Vinh, bất kể nam hay nữ, tuổi từ 20 đến 25, đã tham gia ít nhất một khoa thực tập tại bệnh viện.

Công cụ thu thập số liệu

Bộ câu hỏi gốc CLEI do Newton et al. xây dựng [12], sau đó được Trương Thị Huệ dịch năm 2015 [8]. Nghiên cứu sử dụng bộ câu hỏi V-CLEI của Trương Thị Huệ dịch do có ưu điểm là sử dụng thang đo Likert để đánh giá nhận thức. Trong khi các bộ câu hỏi khác tập trung vào những yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức của sinh viên trong môi trường học tập lâm sàng, bộ câu hỏi V-CLEI đánh giá nhận thức của sinh viên ngành Điều dưỡng về môi trường học tập lâm sàng trên nhiều lĩnh vực. Ngoài mô tả các yếu tố trong môi trường lâm sàng ảnh hưởng đến nhận thức, bộ câu hỏi V-CLEI còn đề cập đến nhận thức về việc dạy và học của sinh viên về môi trường lâm sàng.

Tổng số câu hỏi khảo sát là 50 câu, mỗi câu hỏi sẽ được đánh giá dựa trên thang đo Likert 4 điểm, gồm các mức độ sau:

1. Rất không đồng ý (1 điểm).
2. Không đồng ý (2 điểm).
3. Đồng ý (3 điểm).
4. Rất đồng ý (4 điểm).

Kĩ thuật thu thập số liệu

Sau khi kết thúc vòng thực tập tại các khoa lâm sàng, sinh viên sẽ được hướng dẫn cách trả lời bộ câu hỏi và nhóm nghiên cứu sẽ giải đáp những thắc mắc của sinh viên. Sau đó, mỗi sinh viên sẽ hoàn thành bộ câu hỏi nghiên cứu ở nhà và gửi lại vào ngày hôm sau cho nhóm nghiên cứu (không phải là giáo viên hướng dẫn lâm sàng).

Phương pháp phân tích số liệu

Nhập và xử lý số liệu bằng phần mềm SPSS 25, trong đó sử dụng các thống kê phép kiểm phù hợp cho đề tài.

Bảng 1: Nội dung bộ câu hỏi V-CLEI [8]

Mục	Nội dung	Số câu hỏi	Số điểm
Mục 1. Sự tương tác và tham gia	Liên quan đến sự tương tác của sinh viên về sự gắn kết của họ với vị trí lâm sàng và môi trường học tập lâm sàng	16 câu	16 – 64
Mục 2. Sinh viên lâm trung tâm	Liên quan đến các yếu tố ảnh hưởng đến vai trò trung tâm của sinh viên đối với môi trường học tập lâm sàng	18 câu	18 – 72
Mục 3. Cho phép cá nhân tham gia	Liên quan đến việc trao quyền và kiểm soát công việc một cách độc lập của sinh viên tại môi trường học tập lâm sàng	4 câu	4 – 16
Mục 4. Giá trị công việc điều dưỡng	Tập trung vào cảm xúc sinh viên đối với công việc điều dưỡng và định hướng nghề nghiệp	3 câu	3 – 12
Mục 5. Bồi dưỡng học tập tại nơi làm việc	Liên quan đến các chiến lược giảng dạy cũng như phân chia nhiệm vụ cho sinh viên điều dưỡng	6 câu	6 – 24
Mục 6. Thiếu sự sáng tạo	Nói về sự thiếu đổi mới trong môi trường học tập lâm sàng	3 câu	3 – 12

IV. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

A. Giá trị trung bình các nội dung của bộ câu hỏi V-CLEI

Mức độ nhận thức của sinh viên ngành Điều dưỡng Trường Đại học Trà Vinh về môi trường thực hành lâm sàng tại bệnh viện được thể hiện qua Bảng 2.

Kết quả khảo sát cho thấy, nội dung ‘Sinh viên lâm trung tâm’ có điểm trung bình cao nhất là $45,92 \pm 3,56$, ngược lại mục ‘Thiếu sự sáng tạo’ có điểm trung bình thấp nhất $7,23 \pm 1,48$. Tổng điểm trung bình của V-CLEI là $130,83 \pm 8,73$, cao hơn tổng điểm trung bình nghiên cứu của Trương Thị Huệ với điểm là 121 [8] nhưng thấp hơn tổng điểm V-CLEI của Trần Thị Huyền [9] là 145. Nhìn chung, đây là một kết quả tích cực trong việc đánh giá môi trường học tập lâm sàng của các sinh viên. Tuy nhiên, các mục có kết quả khác nhau, mức độ đánh giá khác nhau tùy theo các câu hỏi được cung cấp.

B. Sự tương tác và tham gia

Kết quả khảo sát nội dung ‘Sự tương tác và tham gia’ gồm 16 câu hỏi từ B1 đến B16, được thể hiện trong Bảng 3.

Bảng 3 cho thấy, mục B6 ‘Việc thực tập lâm sàng tại khoa này là lãng phí thời gian’ có điểm trung bình thấp nhất là 1,82. Kết quả này cho thấy các sinh viên ngành Điều dưỡng Trường Đại học Trà Vinh không lãng phí thời gian khi thực tập tại các khoa lâm sàng. Đồng thời, người học thấy hài lòng với công tác tổ chức thực tập tại khoa với điểm trung bình mục B7 là 1,93. Kết quả này

tương tự với nghiên cứu khảo sát sinh viên ngành Điều dưỡng về môi trường học tập lâm sàng của Huyền [9], trong đó điểm trung bình của mục ‘Việc thực tập lâm sàng ở khoa này là lãng phí thời gian’ là thấp nhất, được đánh giá ở mức ‘rất không đồng ý’, còn ‘Công tác tổ chức thực tập tại khoa này là chưa hợp lí’ được đánh giá ở mức điểm ‘không đồng ý’ [9].

Kết quả ở Bảng 3 cũng cho thấy sinh viên đánh giá cao về các môi trường học tập lâm sàng tại các bệnh viện trong và ngoài tỉnh Trà Vinh. Nhà trường và bệnh viện luôn tạo điều kiện tốt cho các sinh viên đến thực tập, ngoài giáo viên lâm sàng, Nhà trường còn liên kết với các trường khoa, điều dưỡng trường để quản lí, hướng dẫn các tình huống lâm sàng nên sinh viên luôn có người hỗ trợ khi gặp khó khăn. Bên cạnh đó, trước khi đến bệnh viện thực tập, nhà trường, giáo viên lâm sàng luôn lập bảng kế hoạch thực tập nên sinh viên biết những nhiệm vụ họ cần phải làm.

Giao ca đóng một vai trò quan trọng trong chăm sóc liên tục cho người bệnh, là cầu nối giúp cán bộ y tế, đặc biệt là điều dưỡng truyền tải thông tin của người bệnh hiện có tại khoa. Các báo cáo tóm tắt về tình trạng người bệnh nên được cung cấp để nhân viên ca sau có thể hiểu và thực hiện các nhu cầu điều trị, chăm sóc một cách khoa học, chính xác. Đối với sinh viên điều dưỡng đang thực tập lâm sàng, nó càng quan trọng hơn vì giúp sinh viên nắm rõ người bệnh, không bị sai sót khi chăm sóc người bệnh. Tuy nhiên, mục ‘Sinh viên ít có cơ hội tham gia vào quá trình bàn giao giữa các ca trực của nhân viên

Bảng 2: Giá trị trung bình các nội dung của bộ câu hỏi V-CLEI (n = 205)

Điểm số ghi nhận được				
Nội dung khảo sát	Nhỏ nhất	Lớn nhất	Khoảng biến thiên	Trung bình
Sự tương tác và tham gia	30	57	27	41,6±2,99
Sinh viên làm trung tâm	36	66	30	45,92±3,56
Cho phép cá nhân tham gia	4	16	12	10,5±1,82
Giá trị công việc điều dưỡng	6	12	6	9,11±1,11
Bồi dưỡng học tập tại nơi làm việc	6	24	18	16,42±2,80
Thiếu sự sáng tạo	3	12	9	7,23±1,48
Tổng V-CLEI	104	177	73	130,83±8,73

Bảng 3: Sự tương tác và tham gia (n = 205)

Mã số câu hỏi	Nội dung	TB±ĐLC
B1	Sinh viên mong đợi được đến thực tập tại khoa lâm sàng này	3,09±0,48
B2	Sinh viên biết chính xác những nhiệm vụ cần phải làm ở khoa này	3,05±0,52
B3	Sinh viên không hài lòng với cách làm việc của khoa	2,15±0,69
B4	Khi thực tập ở khoa này, sinh viên mong nhanh hết giờ (không thể chờ đến hết buổi thực tập/ca trực)	2,23±0,72
B5	Sinh viên thấy hài lòng sau mỗi buổi thực tập/ca trực	2,92±0,56
B6	Việc thực tập lâm sàng tại khoa này là lãng phí thời gian	1,82±0,61
B7	Công tác tổ chức thực tập tại khoa này là chưa hợp lí	1,93±0,59
B8	Phương pháp giảng dạy tại khoa này được đặc trưng bởi sự đổi mới và sự đa dạng	2,83±0,67
B9	Sinh viên ít có cơ hội tham gia vào quá trình bàn giao giữa các ca trực của nhân viên trong khoa	2,9±0,69
B10	Việc thực tập tại khoa lâm sàng này thật nhàm chán	1,86±0,64
B11	Sinh viên thích được thực tập ở khoa này	2,94±0,59
B12	Nhân viên ở khoa này thường đúng giờ	3,18±0,58
B13	Sinh viên ít có cơ hội để theo đuổi những vấn đề lâm sàng mà họ đặc biệt quan tâm khi thực tập tại khoa này	2,54±0,65
B14	Giáo viên lâm sàng nói là chủ yếu trong các buổi giao ban hoặc buổi giảng lâm sàng (sinh viên ít có cơ hội để đưa ra ý kiến hay hỏi những vấn đề mà sinh viên chưa rõ)	2,41±0,72
B15	Việc thực tập lâm sàng tại khoa này rất thú vị	2,96±0,58
B16	Sinh viên dường như chỉ làm những nhiệm vụ giống nhau trong tất cả các buổi thực tập/ca trực	2,80±0,58

trong khoa' có mức điểm trung bình ở 'đồng ý' là 2,9. Mức điểm này cho thấy các sinh viên điều dưỡng vẫn ít có cơ hội tham gia vào công việc giao ban của khoa. Ngoài ra, mục B16 có điểm trung bình là 2,8 cho thấy sinh viên dường như chỉ làm những nhiệm vụ giống nhau trong tất cả các buổi thực tập ca trực, nguyên nhân có thể do người hướng dẫn phân công nhiệm vụ chưa phù hợp, chưa chi tiết nên sinh viên có ít cơ hội tham gia vào các hoạt động, nhiệm vụ lâm sàng khác nhau trong các buổi thực tập. Kết quả này tương tự nghiên cứu của Giang Nhân Trí Nghĩa và cộng sự [10], với mục 'Sinh viên dường như chỉ làm những nhiệm vụ giống nhau trong các buổi thực tập/ca trực' đạt điểm trung bình là 3,61, nghiên cứu sử dụng thang đo Likert 5 điểm.

C. Sinh viên làm trung tâm

Tiếp theo là kết quả khảo sát nội dung 'Sinh viên làm trung tâm' gồm 18 câu hỏi từ C1 đến C18, được thể hiện trong Bảng 4.

Bảng 4 cho thấy, mục C8 có điểm trung bình thấp nhất là 2,00, tiếp theo là mục C17 với điểm trung bình 2,05, mục C3 và mục C15 có điểm trung bình lần lượt là 2,25 và 2,21. Nhìn chung, nội dung có điểm số thấp là những mục phủ định liên quan đến giáo viên lâm sàng. Ngược lại, mức trung bình cao nhất ở mục C6 'Giáo viên lâm sàng nỗ lực rất nhiều để giúp đỡ sinh viên' là 3,07, tiếp sau đó là mục C5 'Giáo viên lâm sàng có sự trao đổi và góp ý riêng với các sinh viên' với điểm trung bình là 2,95. Kết quả này cho thấy sinh viên thể hiện thái độ tích cực với hầu hết câu hỏi liên quan đến điều dưỡng và giáo viên lâm sàng. Điều này trái ngược với kết quả nghiên cứu Giang Nhân Trí Nghĩa và cộng sự [10], Hồ Thị Lan Vi và cộng sự [11] khi sinh viên đều đưa ra cái nhìn tiêu cực với hầu hết câu hỏi khảo sát liên quan đến điều dưỡng trong môi trường học tập lâm sàng và chỉ đưa ra cái nhìn tích cực cho giáo viên lâm sàng.

Trong nghiên cứu này, các câu hỏi khảo sát liên quan điều dưỡng tại khoa và giáo viên lâm sàng, 6/7 câu hỏi về nhân viên điều dưỡng có điểm số thấp hơn giáo viên lâm sàng. Sự khác biệt này cho thấy rằng, sinh viên ngành Điều dưỡng Trường Đại học Trà Vinh nhận được sự hướng dẫn tốt từ giáo viên hướng dẫn, đặc biệt người

học rất hài lòng vì thái độ tích cực của giáo viên trong quá trình hướng dẫn. Tuy nhiên, mục C11 'Điều dưỡng của khoa đã đưa ra những hoạt động dạy/học có tính đổi mới cho sinh viên' với điểm trung bình là 2,86 được đánh giá cao hơn so với mục C10 'Giáo viên lâm sàng đã đưa ra những hoạt động dạy/học có tính đổi mới sinh viên' với điểm trung bình là 2,81. Sự chênh lệch tuy ít nhưng cũng đặt ra vấn đề về trong hoạt động dạy học lâm sàng. Giáo viên nên tăng thời gian trao đổi, giải đáp thắc mắc cũng như đổi mới các hoạt động giảng dạy cho sinh viên trong môi trường thực hành lâm sàng.

D. Cho phép cá nhân tham gia

Kết quả khảo sát nội dung 'Cho phép cá nhân tham gia' gồm 4 câu hỏi từ D1 đến D4, được thể hiện trong Bảng 5.

Ở Bảng 5, điểm trung bình cao nhất là mục D4 'Phương pháp dạy lâm sàng tại khoa này cho phép sinh viên tiến bộ với chính tốc độ của họ' với số điểm 2,72, còn mức trung bình thấp nhất là mục D2 'Sinh viên có quyền đề xuất các buổi thực tập/ca trực nên diễn ra như thế nào' ở mức 2,55. Kết quả này cho thấy sinh viên ngành Điều dưỡng Trường Đại học Trà Vinh vẫn chưa thể hiện hết khả năng kiểm soát của họ đối với quá trình thực hành trong môi trường học tập lâm sàng. Nói cách khác, sinh viên thực tập tại môi trường lâm sàng đã không thực sự làm được chính xác những gì họ muốn. Môi trường làm việc quá tải, số người bệnh đông trong khi nhân viên điều dưỡng ít nên yêu cầu họ phải làm việc với tốc độ nhanh. Sinh viên điều dưỡng mới tiếp xúc với môi trường bệnh viện còn ít kinh nghiệm, hạn chế về kiến thức lâm sàng có thể mất khả năng kiểm soát trong quá trình thực hành. Việc này làm giảm cơ hội tiếp cận và trở thành rào cản của sinh viên điều dưỡng trong môi trường áp lực nên không thể theo kịp tốc độ làm việc.

E. Giá trị công việc điều dưỡng

Nội dung 'Giá trị công việc điều dưỡng' gồm 3 câu hỏi từ E1 đến E3. Bảng 6 trình bày kết quả cụ thể.

Nhìn chung, các mục trong Bảng 6 đều được đánh giá ở mức đồng ý. Cụ thể, mục E1 có mức điểm trung bình cao nhất là 3,24, tiếp đó là mục

Bảng 4: Sinh viên làm trung tâm (n = 205)

Mã số câu hỏi	Nội dung	TB±ĐLC
C1	Giáo viên lâm sàng quan tâm đến những cảm nhận của sinh viên	2,84±0,64
C2	Điều dưỡng của khoa quan tâm đến những cảm nhận của sinh viên	2,66±0,69
C3	Giáo viên lâm sàng ít lắng nghe sinh viên	2,21±0,64
C4	Điều dưỡng của khoa ít lắng nghe sinh viên	2,3±0,67
C5	Giáo viên lâm sàng có sự trao đổi và góp ý riêng với các sinh viên	2,95±0,57
C6	Giáo viên lâm sàng nỗ lực rất nhiều để giúp đỡ sinh viên	3,07±0,53
C7	Điều dưỡng của khoa nỗ lực rất nhiều để giúp đỡ sinh viên	2,80±0,67
C8	Trong quá trình hướng dẫn/dạy lâm sàng, giáo viên thường đi lạc đề thay vì bám sát nội dung	2,00±0,63
C9	Trong quá trình hướng dẫn/dạy lâm sàng, điều dưỡng của khoa thường đi lạc đề thay vì bám sát nội dung	2,26±0,73
C10	Giáo viên lâm sàng đã đưa ra những hoạt động dạy/học có tính đổi mới cho sinh viên	2,81±0,61
C11	Điều dưỡng của khoa đã đưa ra những hoạt động dạy/học có tính đổi mới cho sinh viên	2,86±0,58
C12	Sinh viên nhận được sự giúp đỡ từ giáo viên lâm sàng khi gặp khó khăn trong việc thực tập	2,94±0,58
C13	Sinh viên nhận được sự giúp đỡ từ điều dưỡng của khoa khi gặp khó khăn trong việc thực tập	2,92±0,55
C14	Giáo viên lâm sàng hiếm khi đến khoa hoặc bệnh phòng để hướng dẫn/hỗ trợ sinh viên	2,46±0,71
C15	Giáo viên lâm sàng không quan tâm đến hoàn cảnh cá nhân của sinh viên	2,2±0,63
C16	Điều dưỡng của khoa không quan tâm đến hoàn cảnh cá nhân của sinh viên	2,30±0,66
C17	Giáo viên lâm sàng không thân thiện và không quan tâm đến sinh viên	2,05±0,60
C18	Điều dưỡng của khoa không thân thiện và không quan tâm đến sinh viên	2,25±0,70

Bảng 5: Cho phép cá nhân tham gia (n = 205)

Mã số câu hỏi	Nội dung	TB±ĐLC
D1	Sinh viên thường được cho phép làm việc theo tốc độ của họ	2,58±0,67
D2	Sinh viên có quyền đề xuất các buổi thực tập/ca trực nên diễn ra như thế nào	2,55±0,65
D3	Sinh viên được phép thương lượng với giáo viên lâm sàng và điều dưỡng của khoa về khối lượng công việc sinh viên phải làm tại khoa	2,68±0,67
D4	Phương pháp dạy lâm sàng tại khoa này cho phép sinh viên tiến bộ với chính tốc độ của họ	2,72±0,65

Bảng 6: Giá trị công việc điều dưỡng (n = 205)

Mã số câu hỏi	Nội dung	TB±ĐLC
E1	Sinh viên nỗ lực thực hiện những nhiệm vụ được giao tại khoa	3,24±0,50
E2	Điều quan trọng ở khoa này là phải hoàn thành được một khối lượng công việc nhất định	2,73±0,68
E3	Trong quá trình thực tập tại khoa này, sinh viên chú ý đến những góp ý của những người khác (vd: giáo viên, bác sĩ, nhân viên, người bệnh, người nhà hoặc sinh viên khác...)	3,15±0,49

E3 với điểm trung bình là 3,15. Ngược lại, kết quả đánh giá thấp nhất ở mục E2 với điểm trung bình là 2,73. Kết quả này cho thấy sinh viên ngành

Điều dưỡng Trường Đại học Trà Vinh nhận thức được công việc phải làm của một nhân viên điều dưỡng, họ nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ được giao và quan tâm đến những góp ý của mọi người trong môi trường lâm sàng. Đây là tín hiệu tích

cực cho thấy các sinh viên có sự quan tâm, chú trọng với nghề điều dưỡng. Điều này cũng góp phần hình thành cho sinh viên một thái độ làm việc chuyên nghiệp từ trong môi trường giáo dục đại học.

F. Bồi dưỡng học tập tại nơi làm việc

Nội dung ‘Bồi dưỡng học tập tại nơi làm việc’ gồm 6 câu hỏi từ F1 đến F6, kết quả thể hiện trong Bảng 7.

Bảng 7: Bồi dưỡng học tập tại nơi làm việc (n = 205)

Mã số câu hỏi	Nội dung	TB±ĐLC
F1	Khi đi thực tập tại khoa này, sinh viên được giao nhiệm vụ rõ ràng nên sinh viên biết rõ những việc mình cần phải làm	2,94±0,64
F2	Sinh viên làm việc với cùng một nhân viên điều dưỡng trong hầu hết thời gian thực tập tại khoa này	2,50±0,71
F3	Trong quá trình thực tập tại khoa, sinh viên có cơ hội để bày tỏ ý kiến/quan điểm của mình	2,76±0,69
F4	Giáo viên lâm sàng thường đưa ra những hoạt động dạy/học thú vị cho sinh viên	2,81±0,66
F5	Điều dưỡng của khoa thường đưa ra những hoạt động dạy/học thú vị cho sinh viên	2,66±0,67
F6	Sự phân công khối lượng công việc (cho cả nhân viên và sinh viên) ở khoa này được lên kế hoạch rất cẩn thận	2,76±0,71

Kết quả ở Bảng 7 cho thấy đa số các mục đều được đánh giá ở mức đồng ý cao. Điểm số cao nhất là mục F1 ‘Khi đi thực tập tại khoa này, sinh viên được giao nhiệm vụ rõ ràng nên sinh viên biết rõ những việc mình cần phải làm’, trong khi mục F2 ‘Sinh viên làm việc với cùng một nhân viên điều dưỡng trong hầu hết thời gian thực tập tại khoa này’ có điểm số trung bình thấp nhất. Điều này cho thấy sinh viên đồng ý rằng họ được giao nhiệm vụ rõ ràng, làm việc với nhiều nhân viên điều dưỡng khi thực tập và có thể đưa ra ý kiến của mình đối với môi trường học tập lâm sàng. Kết quả này phù hợp với nhiệm vụ đào tạo lấy sinh viên làm trung tâm theo xu hướng giáo dục hiện nay.

G. Thiếu sự sáng tạo

Bảng 8 thể hiện kết quả đánh giá 3 câu hỏi từ G1 đến G3 của nội dung cuối cùng ‘Thiếu sự sáng tạo’.

Bảng 8: Thiếu sự sáng tạo (n = 205)

Mã số câu hỏi	Nội dung	TB±ĐLC
G1	Những ý tưởng chăm sóc mới hiếm khi được thử nghiệm ở khoa này	2,51±0,67
G2	Tất cả nhân viên ở khoa này đều được yêu cầu thực hiện công việc một cách rập khuôn	2,32±0,64
G3	Những phương pháp giảng dạy mới và khác biệt hiếm khi được sử dụng ở khoa này	2,41±0,68

Điểm số trong các mục này ở Bảng 8 được đánh giá khá thấp. Trong đó, điểm số trung bình cao nhất ở mục G1 là 2,51, điểm số trung bình thấp nhất là 2,32 thuộc về mục G2. Nội dung cuối cùng trong bộ câu hỏi V-CLEI bao gồm 3 mục về sự thiếu đổi mới trong môi trường học tập lâm sàng với mức trung bình 7,23. Kết quả ở nội dung này nhận được sự không đồng ý khá cao từ người tham gia. Điều này cũng đồng nghĩa có sự đánh giá cao về sự sáng tạo và đổi mới tại các cơ sở thực hành lâm sàng. Kết quả này trái ngược với kết quả khảo sát ở sinh viên ngành Điều dưỡng Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng [9]. Sự khác biệt này có thể do nghiên cứu thực hiện khảo sát ở nhiều địa điểm thực tập, tại nhiều bệnh viện khác nhau, có bệnh viện chuyên khoa, bệnh viện tuyến tỉnh, bệnh viện loại 1 so với nghiên cứu của Huyen [9] và các nghiên cứu trước đó chỉ được thực hiện tại một bệnh viện. Điều này cũng cho thấy sinh viên ngành Điều dưỡng Trường Đại học Trà Vinh đã được tiếp xúc với các môi trường học tập lâm sàng khác nhau, đây là điều kiện thuận lợi cho việc học tập và thực hành của sinh viên.

V. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Mức độ nhận thức chung của sinh viên ngành Điều dưỡng Trường Đại học Trà Vinh về môi trường thực hành lâm sàng tại bệnh viện năm 2021 ở mức tích cực với điểm trung bình 130,83±8,73. Trong đó, ‘Sự tương tác và tham gia’ có điểm trung bình 41,6±2,99, ‘Sinh viên làm trung tâm’ có điểm trung bình là

45,92±3,56, ‘Cho phép cá nhân tham gia’ có điểm trung bình 10,53±1,82, ‘Giá trị công việc điều dưỡng’ có điểm trung bình 9,11±1,11, ‘Bồi dưỡng học tập tại nơi làm việc’ có điểm trung bình 16,42±2,80, ‘Thiếu sự sáng tạo’ có điểm trung bình 7,23±1,48. Những kết quả này cho thấy những điểm tích cực cũng như hạn chế về nhận thức của sinh viên ngành Điều dưỡng Trường Đại học Trà Vinh đối với môi trường thực hành lâm sàng tại bệnh viện. Đây là nguồn thông tin tham khảo có giá trị để Trường Đại học Trà Vinh nói riêng, các trường đại học, cao đẳng có đào tạo ngành Điều dưỡng nói chung cải tiến công tác tổ chức thực tập tại môi trường lâm sàng, qua đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo ngành Điều dưỡng.

Từ kết quả nghiên cứu, bài báo đề xuất một số kiến nghị với các cơ sở giáo dục có đào tạo ngành Điều dưỡng, các bệnh viện và sinh viên học khối ngành khoa học sức khỏe, cụ thể như sau:

Các cơ sở đào tạo tăng số giờ thực tập ở những bệnh viện thuộc tuyến đầu, bởi vì các bệnh viện loại 1 có nhiều mặt bệnh, trang thiết bị hiện đại; tăng cường đánh giá những thuận lợi, khó khăn sau mỗi đợt thực tập của sinh viên.

Các bệnh viện và khoa nên tạo điều kiện thuận lợi cho điều dưỡng viên tham gia các khóa tập huấn về hướng dẫn giảng dạy lâm sàng.

Sinh viên nên lên kế hoạch cụ thể cho mỗi đợt thực tập dựa trên kế hoạch trường và giáo viên đưa ra.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. *Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới*. Hà Nội. Số: 20-NQ/TW, 2017.
- [2] Brungardt C., Greenleaf J., Brungardt C., Arensdorf J. Majoring in leadership: A review of undergraduate leadership degree programs. *Journal of Leadership Education*. 2006;5(1): 4–25.
- [3] Trường Đại học Y Hải Phòng. *Các phương pháp dạy học lâm sàng*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Y học; 2012.
- [4] Sabeti F., Akbari N. N., Haghighyzadeh M. H. Nursing students' self-assessment regarding clinical skills achievement in Ahvaz Jundishapur University of Medical Sciences (2009). *Iranian Journal of Medical Education*. 2011;11(5): 506–515.
- [5] Nguyễn Ngọc Huyền. Sự tự tin trong thực hành kỹ năng lâm sàng của sinh viên điều dưỡng chính quy tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên năm 2019. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên*. 2019;225(01): 47–52.
- [6] Ziba F. A., Yakong V. N., Ali Z. Clinical learning environment of nursing and midwifery students in Ghana. *BMC Nursing*. 2021;20(1): 1–7.
- [7] Khan A., Begum H., Rehman A. U., Khan A. Experiences of healthcare students and the challenges posed by their clinical learning environment. *Central European Journal of Nursing and Midwifery*. 2020;11(1): 19–24.
- [8] Thi Hue Truong. *Vietnamese nursing students' perceptions of their clinical learning environment: A cross-sectional survey* [Master thesis]. Queensland University of Technology; 2015.
- [9] Huyen Tran Thi. *Challenges for nursing students in the clinical learning environment* [Master thesis]. University of Northern Colorado; 2019.
- [10] Giang Nhân Trí Nghĩa, Giang Thị Mỹ Kiều, Vũ Long. Nhận thức của sinh viên điều dưỡng về môi trường học tập lâm sàng. *Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh*. 2019;23(5): 113–119.
- [11] Hồ Thị Lan Vi, Dương Thị Ngọc Bích, Phạm Thị Thảo. Khảo sát sự hài lòng về môi trường học tập lâm sàng của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Duy Tân. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Duy Tân*. 2020;4(41): 128–136.
- [12] Newton J. M., Jolly B. C., Ockerby C. M., Cross W. M. Clinical learning environment inventory: Factor analysis. *Journal of Advanced Nursing*. 2010;66(6): 1371–1381.